

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 18/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19001122	Lê Nhật	Anh	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
2	19001648	Vũ Xuân	Bách	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
3	19001272	Nguyễn Văn	Bảo	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
4	19001940	Võ Công	Đăng	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
5	19004330	Cao Thành	Danh	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
6	19002849	Lâm Tiến	Đạt	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
7	19001604	Lê Công	Đạt	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
8	19000485	Tăng Lệnh	Dũ	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
9	19001359	Hồ Nguyễn Thiện	Đức	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
10	19004576	Huỳnh Tấn	Hải	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
11	19002623	Thái Anh	Hào	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
12	19005257	Ngô Tấn Minh	Huân	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
13	19001426	Phan Dương Anh	Hùng	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
14	19002220	Trần Trí	Hùng	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
15	19004418	Lê Hồng	Hưng	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
16	19000925	Chiêm Hoàng	Khoa	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
17	19004344	Từ Anh	Khoa	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
18	19001193	Ngô Thái	Lâm	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
19	19000978	Cao Khánh	Linh	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
20	19000192	Nguyễn Phước	Lộc	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
21	19001831	Bùi Quang	Long	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
22	19004708	Nguyễn Đình	Lực	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
23	19003746	Nguyễn Sỹ	Nguyên	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
24	19000741	Phạm Thành	Nhân	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
25	19000069	Phùng Minh	Nhật	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
26	19000650	Nguyễn Minh	Nhuận	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
27	19004146	Đặng Hoàng	Phong	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
28	19001463	Châu Trần Kiến	Phúc	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
29	19003503	Nguyễn Thiên	Phúc	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
30	19001599	Đỗ Tiến	Sỹ	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
31	19000274	Huỳnh Quốc	Tài	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
32	19001698	Nguyễn Trọng	Tâm	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
33	19000714	Trần Nguyễn Hiếu	Tâm	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
34	19001187	Hồ Minh	Tân	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
35	19001046	Lê Minh	Tân	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
36	19001401	Võ Thành	Thái	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
37	19000957	Nguyễn Trung	Thành	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
38	19001296	Lê Đình Anh	Thị	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
39	19001802	Nguyễn Hoài	Thương	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
40	19001096	Vũ Thanh	Tiến	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
41	19002188	Vũ Ngọc	Tĩnh	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
42	19002681	Nguyễn Hữu	Toàn	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
43	19000113	Nguyễn Tấn	Trung	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
44	19001768	Lý Phú	Trường	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
45	19001638	Nguyễn Lâm Văn	Trường	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
46	19004020	Lê Phước Minh	Tú	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
47	19001230	Phạm Viết	Tuân	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	
48	19002000	Phạm Lâm Phan	Vũ	19T4-KML1	6,150,000	140,000	6,290,000	